DANH MỤC PHÉP THỬ MỞ RỘNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED EXTENSION TESTS

(Kèm theo quyết định số: 1781 ***/QĐ - VPCNCL ngày*** 06 ***tháng*** 09 ***năm 2023***
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Quản lý chất lượng**

Laboratory: ***Quality Management Department***

Cơ quan chủ quản: **Công ty CP supe phốt phát và hoá chất Lâm Thao**

Organization: ***Lam Thao Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hoá**

Field of testing: ***Chemical***

Người quản lý/ *Laboratory manager:* ***Phạm Quang Huỳnh***

Người có thẩm quyền ký / *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Phạm Quang Huỳnh**	Các phép thử mở rộng được công nhận/ *Accredited extension tests*
2.	**Vi Thị Mai Hương**	
3.	**Đặng Thị Minh Loan**	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 134**

Hiệu lực công nhận / *Period of Validation:* **19/09/2025**

Địa chỉ/ *Address*:

Khu Phương Lai, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Đia điểm/ *Location:*

Khu Phương Lai, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại/ Tel: (+84) 2103 825 139 Fax: (+84) 2103 825 126

Website: https://supelamthao.vn/

Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range ofmeasurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Quặng Apatit** ***Apatit ores***	Xác định hàm lượng P_2O_5 (%) Phương pháp đo quang *Determination of P_2O_5 content.* *Spectrophotometric Method*	-	TN 01:2023
2.	**Supe phốt phát đơn** ***Simple Superphosphate***	Xác định hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu (%) Phương pháp đo quang *Determination of P_2O_5 content available* *Spectrophotometric Method*	-	TN02:2023
3.		Xác định hàm lượng P_2O_5 tan trong nước (%) Phương pháp đo quang *Determination of P_2O_5 content water-soluble.* *Spectrophotometric Method*	-	
4.		Xác định hàm lượng S tổng số (%) Phương pháp khối lượng *Determination of total S content* *Gravimetric Method*	-	TCVN 9296:2012
5.	**Phân hữu cơ khoáng** ***Mineral organic fertilizer***	Xác định hàm lượng axit humic (%) Phương pháp chuẩn độ *Determination of humic acid content* *Titration method*	-	TCVN 8561:2010
6.	**Supe lân vi sinh** ***Microbilogical Superphosphate***	Xác định pH *Determination of pH*	(5~7)	TCVN 13263-9 : 2020
7.		Xác định hàm lượng độ ẩm (%) Phương pháp khối lượng *Determination of moisture content* *Gravimetric Method*	-	TCVN 9297:2012
8.		Xác định hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu (%) Phương pháp đo quang *Determination of P_2O_5 content.* *Spectrophotometric Method*	-	TN02:2023
9.		Xác định hàm lượng P_2O_5 tự do Phương pháp chuẩn độ trung hoà *Determination of P_2O_5 content free* *Acidmetric Method*	-	

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range ofmeasurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
10.	**Supe lân vi sinh** ***Microbiological Superphosphate***	Xác định hàm lượng P_2O_5 tan trong nước (%) Phương pháp đo quang *Determination of P_2O_5 content water-soluble.* *Spectrophotometric Method*	-	TN 02:2023
11.		Xác định hàm lượng S (%) Phương pháp khối lượng *Determination of S content* *Gravimetric Method*	-	TCVN 9296:2012
12.	**Phân bón hỗn hợp NPK vi sinh** ***NPK mixed fertilizer bio***	Xác định hàm lượng Nitơ tổng số (%) Phương pháp chưng cất *Determination of total Nitrogen content* *Distillation Method*	-	TCVN 5815:2018
13.		Xác định hàm lượng P_2O_5 hữu hiệu (%) Phương pháp khối lượng *Determination of P_2O_5 content available* *Gravimetric Method*	-	
14.		Xác định hàm lượng độ ẩm (%) Phương pháp khối lượng *Determination of moisture content* *Gravimetric Method*	-	TCVN 9297:2012
15.		Xác định cỡ hạt (%) Phương pháp khối lượng *Determination of seed size* *Gravimetric Method*	-	TN 10:2020
16.		Xác định hàm lượng K_2O hữu hiệu (%) Phương pháp quang kế ngọn lửa *Determination of K_2O conten available* *Flame photometer method*	-	
17.		Xác định hàm lượng S (%) Phương pháp khối lượng *Determination of S content* *Gravimetric Method*	-	TCVN 9296:2012

Ghi chú / Notes:

- TN-…: phương pháp thử do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory's developed method*
- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia